

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ I NĂM 2012

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
A	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	230.217.066.677	293.196.952.395
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	38.142.270.504	31.126.505.153
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	46.863.202.000	54.670.475.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	95.207.785.259	96.007.169.761
4	Hàng tồn kho	42.122.346.995	102.351.146.164
5	Tài sản ngắn hạn khác	7.881.461.919	9.041.656.317
II	Tài sản dài hạn	218.338.162.087	230.696.092.795
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	214.936.162.087	227.483.092.795
	- Tài sản cố định hữu hình	110.869.827.088	114.495.250.062
	- Tài sản cố định vô hình	19.834.700.541	33.228.327.937
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	84.231.634.458	79.759.514.796
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	3.402.000.000	3.213.000.000
	TỔNG TÀI SẢN	448.555.228.764	523.893.045.190
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	90.719.710.045	159.090.895.376
1	Nợ ngắn hạn	85.709.554.775	154.342.513.320
2	Nợ dài hạn	5.010.155.270	4.748.382.056
II	Vốn chủ sở hữu	357.835.518.719	364.802.149.814
1	Vốn chủ sở hữu	357.835.518.719	364.802.149.814
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	141.206.280.000	141.206.280.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	138.228.344.134	138.228.344.134
	- Cổ phiếu quỹ	-14.946.154.700	-14.946.154.700
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỉ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	46.085.084.030	46.085.084.030
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.983.437.056	35.688.294.937
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0	0
	- Vốn khác	18.278.528.199	18.540.301.413
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG NGUỒN VỐN	448.555.228.764	523.893.045.190

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.309.156.310.114	1.309.156.310.114
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	1.309.156.310.114	1.309.156.310.114
4	Giá vốn hàng bán	1.272.598.926.163	1.272.598.926.163
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	36.557.383.951	36.557.383.951
6	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	1.254.277.383	1.254.277.383
7	Chi phí tài chính	5.392.636.901	5.392.636.901
8	Chi phí bán hàng	21.291.734.642	21.291.734.642
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.585.479.950	2.585.479.950
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.541.809.841	8.541.809.841
11	Thu nhập khác		
12	Chi phí khác		0
13	Lợi nhuận khác	0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.541.809.841	8.541.809.841
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.959.783.360	1.959.783.360
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.582.026.481	6.582.026.481
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	479	479
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp.HCM, ngày tháng 4 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- TTCK, web COM;
- T/V HĐQT, Ban TGD;
- BKS;
- P.TV;
- Lưu VT.